TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 458/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 760/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lữ Thị Bích V**, sinh năm: 1985; số CCCD: 068185005897 do Bộ C cấp ngày 19/6/2025.

Địa chỉ: Số E N, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông **Bạch Hải H**, sinh năm: 1977; số CCCD: 068077005182 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 28/8/2021.

Địa chỉ: Tổ A, Hẻm B N, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lữ Thị Bích V và ông Bạch Hải H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lữ Thị Bích V và ông Bạch Hải H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Bạch Hải Thiên L, sinh ngày 25/7/2018 cho bà Lữ Thị Bích V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Ông Bạch Hải H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng *(bốn triệu đồng)*, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2026 cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông H cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Lữ Thị Bích V thỏa thuận chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003374 ngày 08/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà V đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 của Luật thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lâm Đồng;
- UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Nguyễn Thị Huyền